

QUAN HỆ ĐỐI NGOẠI CỦA CHND TRUNG HOA QUA 30 NĂM CẢI CÁCH MỞ CỬA (1978 - 2008) THÀNH TỰU VÀ KINH NGHIỆM

PGS. NGUYỄN HUY QUÝ

Thành quả của Trung Quốc trong 30 năm cải cách, phát triển vừa qua gắn liền với thành tựu trong lĩnh vực mở cửa đối ngoại.

Hoạt động đối ngoại trong 30 năm qua đã đem lại cho Trung Quốc một môi trường hoà bình để yên tâm tập trung cải cách, phát triển kinh tế, tiến hành hiện đại hoá, thu hút hàng trăm tỷ vốn ngoại (từ nước ngoài và Hồng Kông, Đài Loan, Ma Cao), tiếp thu những thành tựu khoa học công nghệ cao, mới, những phương thức quản lý kinh tế - xã hội tiên tiến từ các nước phát triển, và cả những tinh hoa văn hoá nhân loại mà trước đó chưa có điều kiện du nhập vào Trung Quốc.

Có được những thành tựu đó, trước hết do Đặng Tiểu Bình và các nhà lãnh đạo có xu hướng cải cách ở Trung Quốc đã có những quan điểm mới trong nhìn nhận

xu thế thời đại, tình hình quốc tế, tình hình trong nước, từ đó đi đến quyết sách cải cách, mở cửa, hiện đại hoá đất nước, chớp thời cơ lịch sử “ngàn năm có một” thực hiện sự nghiệp “Đại phục hưng dân tộc Trung Hoa” theo con đường “CHXH đặc sắc Trung Quốc”.

I. NHỮNG ĐIỀU CHỈNH TRONG CHÍNH SÁCH ĐỐI NGOẠI

Trong 30 năm qua, chính sách đối ngoại của Trung Quốc luôn được điều chỉnh qua các thời kỳ tùy thuộc vào diễn biến của tình hình trong nước và quốc tế. Về đại thể, đã diễn ra ba lần điều chỉnh chủ yếu:

1. Từ chính sách “Đảo nhất biên”, “Chuẩn bị chiến tranh”, làm “Cách mạng thế giới” chuyển sang “Chính sách ngoại

giao hoà bình, độc lập tự chủ”, mở cửa đối ngoại (đầu những năm 80 thế kỷ XX).

Từ khi ra đời, nước CHND Trung Hoa đã tuyên bố “đảo nhất biên” về “phe XHCN” do Liên Xô lãnh đạo để đấu tranh chống “phe đế quốc” do Mỹ cầm đầu. Về sau lại “đảo nhất biên” liên kết với Mỹ để chống “kẻ thù số một” là Liên Xô. Đường lối đó xuất phát từ quan điểm cho rằng thời đại ngày nay là “thời đại chiến tranh và cách mạng”, trong nước thì làm “cách mạng văn hoá vô sản”, ngoài nước thì đấu tranh chống “chủ nghĩa xét lại Liên Xô”, tập hợp lực lượng để làm “cách mạng thế giới”, chuẩn bị đối phó với chiến tranh thế giới tất yếu sẽ bùng nổ.

Vào khoảng cuối những năm 70, đầu những năm 80, Đặng Tiểu Bình và các nhà lãnh đạo khác của Trung Quốc đã có sự đổi mới tư duy trong đường lối đối ngoại. Xuất phát từ xu thế hoà hoãn trong quan hệ Xô - Mỹ, Đặng Tiểu Bình đã sớm có dự báo thế giới sẽ chuyển sang hoà dịu, và Trung Quốc phải chớp thời cơ hoà bình để hiện đại hoá đất nước. Về mặt kinh tế, các nhà cải cách Trung Quốc đã nhận thức sâu sắc rằng không thể đóng cửa để làm kinh tế. Hội nghị Trung ương 3 khoá XI (tháng 12-1978) đã quyết định chuyển sang “mở cửa”: “Trên cơ sở tự lực cánh sinh, phải tích cực phát triển hợp tác kinh tế một cách bình đẳng, cùng có lợi với các nước trên

thế giới, ra sức áp dụng kỹ thuật tiên tiến và thiết bị tiên tiến của thế giới...”⁽¹⁾

Về phương diện ngoại giao, Trung Quốc trước đây đã từ bỏ chính sách dựa vào Liên Xô để chống Mỹ, giờ đây cũng không muốn dựa hẳn vào Mỹ để chống Liên Xô nữa. Trên thực tế, trong khi liên kết với Trung Quốc để chống Liên Xô, Mỹ cũng không từ bỏ chính sách kiềm chế Trung Quốc. Mặc dầu Trung - Mỹ đã khai thông quan hệ vào năm 1972, nhưng mãi tới năm 1979 phía Mỹ mới đồng ý thiết lập quan hệ ngoại giao chính thức với Trung Quốc. Mặc dầu Mỹ cam kết thi hành chính sách “Một nước Trung Quốc”, coi “Đài Loan là một bộ phận của Trung Quốc”, nhưng “Luật quan hệ với Đài Loan” mà quốc hội Mỹ thông qua tháng 3-1979 quy định Mỹ có bổn phận bảo vệ Đài Loan, bán vũ khí cho Đài Loan. Vấn đề quan trọng và nhạy cảm đó khiến Trung Quốc cho rằng Mỹ đã không từ bỏ “bản chất của chủ nghĩa đế quốc” và không thể là một đối tác liên minh tin cậy được. Trung Quốc đã quyết không phụ thuộc vào Liên Xô, nay cũng không chịu phụ thuộc vào Mỹ. Đọc diễn văn khai mạc Đại hội XII Đảng Cộng sản Trung Quốc (ngày 1 tháng 9 năm 1982) Đặng Tiểu Bình đã nhấn mạnh rằng: “Bất cứ nước ngoài nào cũng đừng hòng làm cho Trung Quốc phụ thuộc vào họ, đừng hòng bắt Trung Quốc nuốt quả đắng bị xâm hại về lợi ích. Chúng ta kiên trì thi hành chính sách

mở cửa đối ngoại, tích cực mở rộng giao lưu đối ngoại trên cơ sở bình đẳng cùng có lợi. Đồng thời chúng ta phải giữ vững đầu óc tỉnh táo, kiên quyết ngăn chặn sự xâm nhập của những luồng tư tưởng hủ bại, quyết không để lối sống của giai cấp tư sản lan tràn sang nước ta. Nhân dân Trung Quốc có lòng tự tôn và tự hào dân tộc, giàu lòng yêu nước, coi việc cống hiến toàn bộ sức lực cho việc xây dựng tổ quốc XHCN là niềm vinh quang lớn nhất, lấy việc làm tổn hại lợi ích sự tôn nghiêm và vinh dự của tổ quốc XHCN là điều đáng sỉ nhục nhất⁽²⁾. Xuất phát từ quan điểm trên, Đại hội XII Đảng Cộng sản Trung Quốc đã quyết định đường lối mở cửa đối ngoại và thực hiện chính sách ngoại giao “Hoà bình, độc lập tự chủ”⁽³⁾.

2. Điều chỉnh chính sách ngoại giao sau Chiến tranh lạnh (đầu những năm 90 thế kỷ XX)

Năm 1989, sau sự kiện Thiên An Môn, Trung Quốc rơi vào tình trạng rất khó khăn về mặt đối ngoại. Trên quốc tế, Xô - Mỹ đã ký hiệp định cắt giảm vũ khí hạt nhân được coi là biểu tượng kết thúc Chiến tranh lạnh giữa hai siêu cường (mặc dầu Chiến tranh lạnh thực sự kết thúc trên toàn cầu lúc Liên Xô giải thể, trên thế giới chỉ còn lại một nước Mỹ siêu cường). Trong bối cảnh đó, Mỹ không còn nhu cầu liên kết với Trung Quốc để chống Liên Xô nữa. Nhân sự kiện Thiên An Môn (ngày 4-6-1989) Mỹ

và các nước phương Tây đã trừng phạt và cô lập Trung Quốc. Mặc dầu Chiến tranh lạnh kết thúc, “hoà bình và phát triển đã trở thành chủ đề của thời đại” đã đưa lại cho Trung Quốc cơ hội ngàn năm mới có để tập trung vào công cuộc cải cách, mở cửa hiện đại hoá đất nước, nhưng trong thời gian đầu sau Chiến tranh lạnh, bối cảnh quốc tế của Trung Quốc thật sự khó khăn, phức tạp.

Trong bối cảnh khó khăn trong nước và quốc tế, quan điểm của Đặng Tiểu Bình đã được “khái quát lại trong 3 câu: câu thứ nhất là bình tĩnh quan sát; câu thứ hai là giữ vững trận địa; câu thứ ba là thận trọng ứng phó. Không sốt ruột, mà sốt ruột cũng chẳng làm gì được. Phải bình tĩnh, bình tĩnh, bình tĩnh hơn nữa, phải tập trung vào làm việc, làm tốt một việc, công việc của chúng ta”⁽⁴⁾.

Lời kêu gọi “Bình tĩnh, bình tĩnh hơn nữa...” của Đặng Tiểu Bình đã cho chúng ta hình dung tình trạng lo ngoại của Trung Quốc đối với thời cuộc trong nước và quốc tế như thế nào. Đối sách của Trung Quốc về nội trị là tiến hành 3 năm “chữa trị chỉnh đốn” (1989-1991); về ngoại giao là “thận trọng ứng phó”, không “đổi đầu”, không “cầm đầu”. Bấy giờ Mỹ và phương Tây hy vọng Trung Quốc sẽ lao theo vết xe đổ của Liên Xô. Nhưng Trung Quốc đã “làm tốt công việc của mình”, chuyển sang kinh tế thị trường, tăng tốc phát triển kinh tế, ổn định tình hình chính trị, tăng cường lực

lượng quân sự, đẩy mạnh hoạt động ngoại giao, không những không sụp đổ mà còn trở dậy mạnh mẽ. Trước tình hình đó, Mỹ và các nước phương Tây đã lần lượt từ bỏ chính sách cô lập, tăng cường quan hệ với Trung Quốc. Vị thế và ảnh hưởng của Trung Quốc trên trường quốc tế được nâng cao một bước đáng kể trong nửa cuối của thập niên 90 thế kỷ trước.

3. Điều chỉnh chính sách ngoại giao trong những năm đầu thế kỷ XXI.

Trong thời điểm chuyển giao từ thế kỷ XX sang thế kỷ XXI có những nhân tố tác động quan trọng tới quan hệ đối ngoại của Trung Quốc.

Một là, Trung Quốc trở dậy qua 20 năm cải cách và phát triển, khẳng định vai trò cường quốc khu vực của mình, và đang vươn lên vị thế cường quốc thế giới, phấn đấu hoàn thành công cuộc hiện đại hoá và thống nhất đất nước, đạt mục tiêu đứng vào hàng ngũ các nước phát triển và có sức mạnh tổng hợp vào hàng đầu thế giới vào khoảng giữa thế kỷ XXI.

Hai là, thế giới đang diễn ra quá trình toàn cầu hoá ngày càng nhanh, trước hết trong lĩnh vực kinh tế, các nền kinh tế lớn trên thế giới đã gắn liền với nhau, quan hệ giữa các nước lớn chuyển sang hoà hoãn rõ ràng hơn. Nhưng mặt khác, cạnh tranh quốc tế không hề suy giảm, những mâu thuẫn và cạnh tranh gay gắt vẫn tồn tại đan xen với những

hợp tác vì lợi ích chung giữa Trung Quốc với những quốc gia và khu vực khác. Sự kiện khủng bố quốc tế ngày 11-9-2001, cuộc chiến chống khủng bố Mỹ tiến hành ở Afghanistan và Iraq, và cuộc khủng hoảng tài chính - kinh tế toàn cầu bắt đầu từ Mỹ trong thời gian gần đây đã tác động mạnh mẽ sâu sắc vào các mối quan hệ quốc tế.

Quan điểm của Trung Quốc về tình hình quốc tế và chính sách ngoại giao của Trung Quốc những năm đầu thế kỷ XXI đã thể hiện trong văn kiện của Đại hội XVI Đảng Cộng sản Trung Quốc (tháng 11/2002) như sau: “Hoà bình và phát triển vẫn là chủ đề thời đại ngày nay... Sự phát triển của xu thế đa cực hoá thế giới và toàn cầu hoá kinh tế đã đem lại cơ hội và những điều kiện có lợi cho hoà bình và phát triển của thế giới. Chiến tranh thế giới mới không có khả năng bùng nổ trong thời gian có thể dự kiến tới. Tranh thủ môi trường quốc tế hoà bình và môi trường xung quanh ổn định trong thời gian tới là điều có thể thực hiện được.

Thế nhưng, trật tự chính trị kinh tế quốc tế cũ không công bằng, không hợp lý, vẫn chưa thay đổi căn bản. Những nhân tố không xác định ảnh hưởng tới hoà bình và phát triển đang tăng lên. Các nhân tố đe dọa an ninh truyền thống và đe dọa an ninh phi truyền thống giao thoa nhau, nguy cơ chủ nghĩa khủng bố đang tăng lên. Chủ nghĩa bá

quyền và chính trị cường quyền có những biểu hiện mới. Những xung đột cục bộ do mâu thuẫn dân tộc tôn giáo, và tranh chấp biên giới lãnh thổ lúc lắng dịu, lúc bùng nổ. Chênh lệch Nam - Bắc ngày càng lớn. Thế giới vẫn không yên bình, nhân loại đang đứng trước nhiều thử thách gay go⁽⁵⁾. Trong bối cảnh quốc tế hiện nay, Trung Quốc cam kết “vấn quán triệt chính sách ngoại giao hoà bình độc lập tự chủ..., gìn giữ hoà bình thế giới, thúc đẩy cùng nhau phát triển...”. Trung Quốc chủ trương “Xây dựng một trật tự chính trị - kinh tế quốc tế mới công bằng hợp lý...”; “Duy trì tính đa dạng của thế giới, dân chủ hoá quan hệ quốc tế và đa dạng hoá mô thức phát triển...”; “Phản đối mọi hình thức khủng bố..., nỗ lực loại trừ nguồn gốc dẫn tới chủ nghĩa khủng bố...”. Trung Quốc chủ trương “Cải thiện và phát triển quan hệ với các nước phát triển..., tăng cường quan hệ hữu nghị với các nước láng giềng..., tăng cường đoàn kết và hợp tác với thế giới thứ ba..., tích cực tham gia các hoạt động, ngoại giao đa phương, phát huy vai trò tại Liên hợp quốc, và trong các tổ chức quốc tế cũng như các tổ chức khu vực..., phát triển giao lưu hợp tác với các chính đảng, các tổ chức chính trị các nước và khu vực, triển khai rộng rãi ngoại giao nhân dân, mở rộng giao lưu văn hoá đối ngoại...⁽⁶⁾. Trước sự trỗi dậy mạnh mẽ của Trung Quốc đã xuất hiện tâm lý lo ngại về “mối đe dọa từ Trung Quốc” trên thế giới. Trong bối

cảnh đó, Chính phủ Trung Quốc đã nhấn mạnh “con đường phát triển một cách hoà bình” và đưa ra chủ trương tiến tới xây dựng một “thế giới hoà bình”.

Những quan điểm nhận định về tình hình thế giới và những chủ trương về chính sách đối ngoại chứng tỏ nền ngoại giao Trung Quốc ngày nay đã mang tầm vóc là một nền ngoại giao nước lớn. Với quan điểm thực tế và tinh thần “tiến cùng thời đại”, Trung Quốc đang nắm bắt và sáng tạo thời cơ lịch sử để tranh thủ mọi nhân tố quốc tế phục vụ cho công cuộc hiện đại hoá và thống nhất đất nước, giành vị thế cường quốc thế giới trong tương lai không xa.

II. NHỮNG THÀNH TỰU TRONG HOẠT ĐỘNG ĐỐI NGOẠI VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM

Có thể nói rằng trong 30 năm qua, kể từ sau ngày chuyển sang cải cách mở cửa, hoạt động đối ngoại của Trung Quốc đã thu được những thành tựu rất to lớn, phục vụ đắc lực cho công cuộc cải cách, phát triển trong nước, nâng cao vị thế và ảnh hưởng của Trung Quốc trên trường quốc tế. Những thành tựu đó thể hiện chủ yếu trong các lĩnh vực sau đây:

1. Trong lĩnh vực chính trị, an ninh

Thông qua hoạt động đối ngoại, ảnh hưởng chính trị của Trung Quốc đã được mở rộng, an ninh của Trung Quốc đã được củng cố, tạo môi trường hoà bình, ổn định cho Trung Quốc tập trung vào

phát triển trong nước và tạo cơ hội hợp tác với các nước trên thế giới.

Vượt qua nhiều thử thách, Trung Quốc đã khắc phục được những nguy cơ bị cô lập trên trường quốc tế. Qua 30 năm hoạt động đối ngoại, Trung Quốc đã tiếp tục thiết lập quan hệ ngoại giao với hầu hết các nước trên thế giới (chỉ còn 19 nước và lãnh thổ rất nhỏ và nghèo ở Nam Thái Bình Dương, châu Phi, và Mỹ La tinh chưa có quan hệ ngoại giao với CHND Trung Hoa). Trung Quốc đã đưa quan hệ với các nước phát triển, các nước xung quanh vào thế ổn định tương đối, tạo điều kiện cho hợp tác phát triển và bảo đảm an ninh quốc gia. Quan hệ Trung - Mỹ đã được định vị từ những năm 90 của thế kỷ trước là “quan hệ đối tác chiến lược có tính xây dựng”. Tuy quan hệ Trung - Mỹ đã trải qua nhiều bước thăng trầm, nhưng theo nhận định của phía Trung Quốc, cũng như phía Mỹ, hiện nay đã đi vào thế “phát triển ổn định”⁽⁷⁾. Quan hệ Trung - Nga được xác định là “quan hệ đối tác chiến lược bình đẳng tin cậy hướng tới thế kỷ XXI”. Việc thành lập “Cơ chế 5 nước Thượng Hải” (năm 1996) và sau đó phát triển thành “Tổ chức Hợp tác Thượng Hải” (SCO, thành lập năm 2001) mà trực chính là quan hệ Trung - Nga đã có ý nghĩa rất quan trọng trong việc củng cố an ninh của Trung Quốc ở hướng Tây Bắc và củng cố vị thế về mặt an ninh của Trung Quốc trên trường quốc tế. Quan

hệ Trung Quốc với Cộng đồng châu Âu (EU) được xác định là “quan hệ đối tác hợp tác toàn diện”. Quan hệ Trung - Nhật được xác định là “quan hệ đối tác hợp tác hữu nghị vì hoà bình và phát triển”. Vì Trung Quốc và Nhật Bản còn tồn tại nhiều vấn đề trong lịch sử quan hệ giữa hai nước, 5 năm đầu thế kỷ, dưới chính quyền Koizumi ở Nhật Bản, quan hệ Trung - Nhật đã rơi vào tình trạng “kinh tế nóng, chính trị lạnh”. Nhưng từ tháng 9-2006, nhờ sự thay đổi trên chính trường Nhật Bản, với thiện chí và sự nỗ lực của cả hai bên, quan hệ Trung - Nhật đã trở lại quỹ đạo “hợp tác hữu nghị...”. Quan hệ Trung Quốc - Ấn Độ trong mấy chục năm cuối thế kỷ XX ở trong tình trạng “không phải là thù, nhưng cũng không phải là bạn”, trên biên giới Trung - Ấn nói chung “không có chiến tranh, nhưng cũng không có hoà bình”. Chuyển sang thế kỷ XXI, Trung Quốc đã chủ động cùng Ấn Độ thiết lập “quan hệ đối tác hợp tác có tính xây dựng hướng tới tương lai”, trong khi vẫn duy trì quan hệ truyền thống chặt chẽ với Pakistan. Tại Đông Bắc Á, Trung Quốc đã tích cực đóng vai trò chủ nhà của đàm phán 6 bên về vấn đề hạt nhân Bắc Triều Tiên, nâng cấp quan hệ Trung - Hàn lên “quan hệ đối tác hợp tác chiến lược”, trong khi vẫn duy trì quan hệ truyền thống với CHDCND Triều Tiên. Đặc biệt, tại khu vực Đông Nam Á trong những năm đầu thế kỷ, Trung Quốc đã rất tích cực, chủ

động đề xuất và thúc đẩy cơ chế hợp tác 10 + 1 (trong khuôn khổ 10 + 3), thành lập khu Mậu dịch tự do Trung Quốc - ASEAN (CATT), tham gia ARF, tổ chức Diễn đàn Bắc Ngao, v.v... Từ 1997, Trung Quốc - ASEAN đã xác định “quan hệ đối tác láng giềng thân thiện, tin cậy lẫn nhau, hướng tới thế kỷ XXI”. Đồng thời, trong quan hệ với từng nước trong ASEAN, Trung Quốc đã định vị riêng và được nâng cấp trong những năm đầu thế kỷ (ví dụ: quan hệ Trung - Việt đầu năm 1999 được xác định là 16 chữ “Láng giềng hữu nghị, hợp tác toàn diện, ổn định lâu dài, hướng tới tương lai”. Nay được nâng cấp là “Quan hệ đối tác hợp tác chiến lược toàn diện” với phương châm “16 chữ” và tinh thần “4 tốt”⁽⁸⁾). Những năm đầu thế kỷ XXI cũng đã chứng kiến hoạt động ngoại giao Trung Quốc đã vươn xa, vươn mạnh sang châu Phi và Mỹ La-tinh, không chỉ vì mục tiêu kinh tế - thương mại, mà còn phát huy ảnh hưởng chính trị tại các châu lục có số đông quốc gia này, tạo lợi thế chính trị cho Trung Quốc trong các diễn đàn Liên hợp quốc và các tổ chức quốc tế khác.

Cuối cùng, không thể không đề cập đến thành công mỹ mãn của Trung Quốc trong việc giải quyết quan hệ với Anh Quốc và Bồ Đào Nha để thu hồi chủ quyền đối với Hồng Kông và Ma Cao theo phương thức “Hoà bình thống nhất, một nước hai chế độ”. Có thể nói rằng, 30 năm qua ngoại giao Trung Quốc đã tạo

thế chính trị và môi trường an ninh phục vụ đắc lực cho công cuộc xây dựng hiện đại hoá đất nước. Và ngược lại, những thành tựu to lớn trong công cuộc xây dựng hiện đại hoá ở Trung Quốc đã làm cho vị thế, và ảnh hưởng của Trung Quốc trong khu vực và trên quốc tế được nâng cao hơn bao giờ hết.

2. Về kinh tế - thương mại

Những thành tựu to lớn Trung Quốc giành được trong 30 năm qua về kinh tế - thương mại, văn hoá, khoa học kỹ thuật, v.v... gắn liền với chính sách mở cửa đối ngoại. Ngoại giao kinh tế đóng một vai trò rất quan trọng trong phát triển kinh tế đối ngoại, phục vụ đắc lực cho công cuộc xây dựng đất nước trong nhiều lĩnh vực. Sự trỗi dậy của nền kinh tế Trung Quốc qua 30 năm cải cách, mở cửa phụ thuộc rất nhiều vào vốn đầu tư, khoa học công nghệ, và phương thức quản lý được tiếp thu từ các nền kinh tế phát triển trên thế giới. Trung Quốc trở thành một “công trường khổng lồ” của thế giới, không thể thiếu nguồn cung cấp nguyên liệu, năng lượng, và thị trường tiêu thụ hàng hoá từ các nước trên thế giới.

Năm 1978, khi chuyển sang cải cách mở cửa, tổng kim ngạch ngoại thương Trung Quốc mới là 20,6 tỷ USD, nhập siêu 1,1 tỷ USD⁽⁹⁾. Chỉ qua 30 năm, năm 2007 ngoại thương Trung Quốc đã đạt tổng kim ngạch 2170 tỷ USD với mức xuất siêu lớn, làm tăng nhanh dự trữ

ngoại tệ (dự kiến năm 2008 vượt con số 2000 tỷ USD). Năm 1978 ngoại thương Trung Quốc mới chỉ chiếm 8,8% tổng sản phẩm quốc dân (GNP), năm 2007 đã chiếm khoảng 70% tổng sản phẩm quốc nội (GDP). Ngoại thương Trung Quốc từ vị trí thứ 32 trên thế giới năm 1978 lên vị trí thứ 3 thế giới vào năm 2006. Vốn đầu tư là khó khăn hàng đầu của nền kinh tế Trung Quốc khi chuyển sang cải cách, mở cửa, hiện đại hoá. Bấy giờ, do hậu quả của “Cách mạng văn hoá” hầu như không có vốn nước ngoài đầu tư vào Trung Quốc. Từ sau ngày chuyển sang cải cách mở cửa, nhất là sau khi chuyển sang kinh tế thị trường, Trung Quốc đã thu hút được nguồn đầu tư ngày càng lớn từ các nền kinh tế phát triển của nước ngoài và Hồng Kông, Đài Loan, Ma Cao. Tính đến năm 2001, Trung Quốc đã thu hút và sử dụng trên thực tế 412 tỷ USD vốn ngoại, và vốn ngoại đầu tư theo hiệp định các năm tiếp theo mỗi năm đều trên 50 tỷ USD. Trung Quốc cũng đã đẩy mạnh các phương thức hợp tác kinh tế với nước ngoài, khuyến khích các doanh nghiệp trong nước ra nước ngoài đầu tư, kinh doanh.

Ngoại giao Trung Quốc cũng đã phục vụ đắc lực cho hoạt động kinh tế đối ngoại trong việc khai thác nguồn cung cấp vật tư, năng lượng đặc biệt trong lĩnh vực dầu mỏ, khí đốt từ Trung Đông, Đông Nam Á, Nga, Trung Á đến châu Phi và Mỹ La-tinh. Báo chí quốc tế đã

nói nhiều về “ngoại giao dầu mỏ” của Trung Quốc.

Năm 2001 Trung Quốc được kết nạp vào Tổ chức Thương mại thế giới (WTO), đánh dấu sự hoàn thành quá trình hội nhập kinh tế thế giới và đã vượt qua một cách thắng lợi giai đoạn quá độ, góp phần quan trọng vào tăng trưởng kinh tế cao liên tục trên 10% từ năm 2002 tới nay.

Trong quá trình cải cách mở cửa và phát triển 30 năm qua, Trung Quốc cũng đã tiếp thu những thành tựu khoa học - kỹ thuật, kinh nghiệm quản lý tiên tiến của các nước, những tinh hoa văn hoá của nhân loại. Ngược lại, sự phát triển của Trung Quốc cũng đang ngày càng đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển chung của thế giới, nhất là trong bối cảnh khủng hoảng tài chính và kinh tế toàn cầu hiện nay. Tại Đại hội XVII Đảng Cộng sản Trung Quốc (tháng 10-2007), Tổng Bí thư Hồ Cẩm Đào đã khái quát quan hệ đối ngoại của Trung Quốc là: “Sự phát triển của Trung Quốc không thể tách rời thế giới, sự phồn vinh ổn định của thế giới cũng không thể tách rời Trung Quốc”⁽¹⁰⁾.

3. Về khoa học kỹ thuật, văn hoá, giáo dục

Mười năm động loạn “Cải cách văn hoá vô sản” đã phá hoại nghiêm trọng những thành tựu còn rất khiêm tốn và đội ngũ trí thức còn non trẻ của Trung Quốc trong các lĩnh vực khoa học kỹ

thuật, văn hoá, giáo dục, v.v... Chuyển sang cải cách mở cửa, Đảng và Nhà nước Trung Quốc đặc biệt quan tâm việc thu hút khoa học công nghệ tiên tiến và kinh nghiệm quản lý hiện đại từ các nước phát triển. Nhiều phương thức giao lưu, hợp tác khoa học kỹ thuật và giáo dục đào tạo đã được áp dụng chuyển sang cải cách mở cửa, khoa học công nghệ và văn hoá giáo dục Trung Quốc đã có không gian hoạt động rộng mở. Hàng chục vạn sinh viên, nghiên cứu sinh đã được Nhà nước cấp học bổng hoặc tự cấp kinh phí du học nghiên cứu nhiều nước trên thế giới, nhất là những trung tâm khoa học công nghệ như Mỹ, Nhật Bản, cộng đồng châu Âu. Hàng vạn trí thức Hoa kiều và người Hoa hải ngoại được hưởng nhiều chính sách ưu đãi đã trở về phục vụ đất nước trong nhiều lĩnh vực khoa học công nghệ, văn hoá giáo dục. Tính đến cuối thế kỷ trước, Trung Quốc đã có quan hệ hợp tác khoa học kỹ thuật với 135 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới, ký kết 95 hiệp định hợp tác khoa học kỹ thuật cấp chính phủ, gia nhập 75 tổ chức học thuật quốc tế, 283 đơn vị nghiên cứu và trường đại học của Trung Quốc có quyền kinh doanh ngoại thương để tăng kinh phí nghiên cứu, đào tạo, v.v...⁽¹⁾

Những tiến bộ vượt bậc của nhiều ngành khoa học kỹ thuật và sự phát triển của nền văn hoá giáo dục trong 30 năm qua ở Trung Quốc gắn liền với những hoạt động đối ngoại. Bước sang thế kỷ XXI, phát triển kinh tế ở Trung

Quốc sẽ chuyển dần từ chiều rộng sang chiều sâu với hàm lượng khoa học kỹ thuật cao. Đảng và Nhà nước Trung Quốc trong thời gian qua đã tập trung chú ý nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo trong nước, khuyến khích giới khoa học Trung Quốc tự sáng tạo, đồng thời đã triển khai các hoạt động đối ngoại nhằm đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong lĩnh vực khoa học công nghệ, văn hoá giáo dục.

Tóm lại, thành tựu lớn nhất trong hoạt động đối ngoại 30 năm qua của Trung Quốc là đã tạo ra một ảnh hưởng chính trị và môi trường an ninh tại khu vực và trên quốc tế, thu hút được những nguồn vốn đầu tư, thành tựu khoa học kỹ thuật, kinh nghiệm quản lý tiên tiến từ các nước phát triển, khai thác được thị trường cung cấp nguồn nguyên liệu, nhiên liệu và xuất khẩu hàng hoá, phục vụ đắc lực cho công cuộc hiện đại hoá và thống nhất đất nước, góp phần vào hoà bình ổn định, hợp tác phát triển trong khu vực và trên thế giới. Thành tựu đó đã nâng cao vị thế và ảnh hưởng của Trung Quốc hơn bao giờ hết trên trường quốc tế.

Đồng thời, quan hệ đối ngoại của Trung Quốc cũng đang đứng trước những vấn đề và thách thức. Toàn cầu hoá kinh tế thế giới đã đưa lại cho Trung Quốc những cơ hội, nhưng đồng thời cũng đặt Trung Quốc trước những thách thức. Tác động của khủng hoảng tài chính - kinh tế thế giới bắt đầu từ Mỹ gây tác hại đến tình hình kinh tế - xã hội

Trung Quốc đã phần nào nói lên điều đó. Toàn cầu hoá không làm suy giảm, mà sẽ tăng thêm cạnh tranh quốc tế về sức mạnh tổng hợp của đất nước gồm sức mạnh cứng và sức mạnh mềm, trong khi Trung Quốc có những thế mạnh có thể phát huy, nhưng cũng có những thế yếu so với các đối tác mạnh như Mỹ, EU, Nhật Bản nhất là lĩnh vực khoa học - công nghệ. Trong quan hệ với các nước xung quanh, Trung Quốc còn đứng trước thử thách về cách giải quyết một loạt các vấn đề do lịch sử để lại hoặc mới nảy sinh: vấn đề hạt nhân Bắc Triều Tiên; tranh chấp lãnh hải và tài nguyên biển với Nhật Bản; khía cạnh quốc tế của vấn đề Đài Loan (chủ yếu là quan hệ Trung - Mỹ); tranh chấp lãnh hải, hải đảo, tài nguyên biển với các nước ASEAN ở Biển Đông; tranh chấp biên giới với Ấn Độ, khía cạnh quốc tế của vấn đề Tây Tạng, v.v...

Chính sách và hoạt động đối ngoại của Trung Quốc trong 30 năm cải cách, mở cửa vừa qua có thể gọi mở những bài học sau đây:

1. “Giải phóng tư tưởng, thực sự cầu thị”, “Tiến cùng thời đại”

Đó là phương châm tư tưởng Đảng Cộng sản Trung Quốc đề xuất từ ngày đầu cải cách để chỉ đạo mọi mặt công tác, trong đó có công tác đối ngoại. Nhìn lại, thành tựu của công tác đối ngoại của Trung Quốc trong 30 năm qua có được là nhờ sự chỉ đạo của phương châm đó.

Không đổi mới tư duy từ “chiến tranh” sang “hoà bình”; từ “đóng cửa” sang “mở cửa” thì Trung Quốc không thể có thành tựu đối ngoại như ngày nay.

Không nhìn thẳng vào sự thật, tức là nhìn nhận đúng đắn thực tế trên thế giới và thực tế của Trung Quốc trong từng giai đoạn “biết người, biết ta” để có đường lối ứng xử thích hợp, mà chỉ phân chiến tuyến để cầm đầu “cách mạng thế giới” theo ảo mộng chủ quan như trước cải cách thì Trung Quốc không thể có thành tựu đối ngoại như ngày nay.

Đặng Tiểu Bình đã có tầm nhìn xa, sớm phát hiện những diễn biến của xu thế thời đại, cục diện quốc tế, tạo thời cơ lịch sử cho Trung Quốc chuyển sang cải cách, mở cửa, hiện đại hoá. Giang Trạch Dân và Hồ Cẩm Đào cũng là những nhà cải cách nhạy bén với thời cuộc, biết cách bứt phá những hàng rào bảo thủ, giáo điều, đưa Trung Quốc hội nhập với trào lưu của thời đại, mà vẫn giữ bản chất của chế độ và bản sắc của dân tộc. Đó là bước đi đúng hướng của công cuộc hiện đại hoá XHCN của Trung Quốc thể hiện trong lĩnh vực đối ngoại.

2. Giải quyết đúng đắn mối quan hệ biện chứng giữa đường lối đối nội và đường lối đối ngoại

Đặng Tiểu Bình và các nhà lãnh đạo Trung Quốc các thế hệ sau đã sớm nhận thức được mở cửa đối ngoại là một yêu cầu không thể thiếu để Trung Quốc cải cách, phát triển, hiện đại hoá, và biết xử

lý thoả đáng mối quan hệ biện chứng giữa đường lối đối nội và đường lối đối ngoại.

Đối nội kết thúc “lấy đấu tranh giai cấp làm cương lĩnh” chuyển trọng tâm sang xây dựng kinh tế và dân chủ hoá đời sống xã hội thì mới có thể mở cửa đối ngoại. Đối nội chuyển từ kinh tế kế hoạch sang kinh tế thị trường, từ Nhà nước “nhân trị” sang Nhà nước pháp trị thì mới có thể nhập vào quỹ đạo kinh tế - chính trị thế giới.

Đối nội điều chỉnh cơ cấu kinh tế, cải cách hành chính, luật pháp, mới có thể tham gia vào toàn cầu hoá kinh tế thế giới (cụ thể là WTO) một cách có hiệu quả.

Ngược lại, kiên trì đường lối mở cửa đối ngoại một cách mạnh dạn, tích cực, có bài bản, đã tạo ra môi trường thuận lợi và những điều kiện vật chất thiết yếu cho công cuộc xây dựng hiện đại hoá ở trong nước.

Khi quan hệ đối ngoại mâu thuẫn với vấn đề đối nội, các nhà lãnh đạo Trung Quốc đã ứng xử khôn khéo, nhưng kiên quyết, để có phương án giải quyết được cho là thích hợp.

Về lâu dài, đây cũng là vấn đề khó khăn phức tạp, là thử thách lớn đối với một nước XHCN trong quá trình toàn cầu hoá, là làm thế nào để giữ được bản chất của chế độ XHCN trong trật tự chính trị - kinh tế quốc tế hiện nay và trong tương lai.

3. Luôn đặt lợi ích quốc gia dân tộc lên trên hết, nhưng để đạt mục tiêu đó trong chính sách ngoại giao phải “kết hợp cương nhu” tính đến lợi ích của các đối tác theo phương châm “cùng có lợi”, “cùng thắng”.

Không có liên minh vĩnh cửu, không có kẻ thù truyền kiếp, chỉ có lợi ích quốc gia là mục tiêu không thay đổi, phương châm truyền thống của ngoại giao quốc tế đó ngày nay vẫn là tư duy đối ngoại của các quốc gia, Trung Quốc không lệ ngoại. Nhưng ngoại giao ngày nay không thể ỷ thế mạnh để áp đặt một chiều, mà phải lựa chiều “kết hợp cương nhu” để đối thủ hay đối tác có thể chấp nhận. Cách ứng xử của các nhà lãnh đạo Trung Quốc trong việc ứng phó với ý đồ cô lập Trung Quốc của Mỹ và phương Tây sau sự kiện Thiên An Môn năm 1989, hoặc trong đàm phán với Anh Quốc nhằm thu hồi chủ quyền Hồng Kông theo phương châm “Hoà bình thống nhất, một nước hai chế độ” là một ví dụ rõ nét.

Ngày nay trong hợp tác với Mỹ chống khủng bố quốc tế, hợp tác với các quốc gia và khu vực về kinh tế - thương mại cũng vậy, Trung Quốc luôn nhấn mạnh nguyên tắc “cùng có lợi, cùng thắng”. Trong hợp tác Trung - Việt theo mô hình “một vành đai, hai hành lang kinh tế”, cũng như ý tưởng “một trục hai cánh” trong hợp tác Trung Quốc - Asean, nguyên tắc “cùng có lợi, cùng thắng” luôn được nhấn mạnh. Tuy nhiên, trong hợp tác đối ngoại, vấn đề đặt ra với các

bên là còn phải tính đến cái lợi và cái không lợi, lợi hại bộ phận và lợi hại toàn cục, lợi hại trước mắt và lợi hại lâu dài. Các đối tác sẽ xuất phát từ những tính toán đó để đi đến quyết định nội dung hợp tác với Trung Quốc, về kinh tế thương mại cũng như về các lĩnh vực khác.

4. Phát huy tinh thần yêu nước, huy động sức mạnh toàn dân tộc, đồng thời phải đề phòng khuynh hướng tư tưởng dân tộc nước lớn.

Trung Quốc là nước lớn, thực thi ngoại giao nước lớn. Nhưng như vậy không có nghĩa là quán triệt tư tưởng nước lớn trong hoạt động đối ngoại.

Tuy nhiên, thực tế lịch sử quan hệ quốc tế cho chúng ta thấy các nước lớn ngày nay vẫn chưa hoàn toàn gạt bỏ được những tàn dư của tư tưởng nước lớn, dân tộc lớn đã tồn tại trong lịch sử, Trung Quốc cũng không lệ ngoại.

Từ Tôn Trung Sơn đến Mao Trạch Đông, các lãnh tụ cách mạng Trung Quốc, cũng như Đặng Tiểu Bình, lãnh tụ của công cuộc cải cách, mở cửa, hiện đại hoá, đều coi “Đại phục hưng dân tộc Trung Hoa” là mục tiêu thiêng liêng, phát huy tinh thần dân tộc là động lực để phấn đấu thực hiện mục tiêu đó. Đặng Tiểu Bình đã kêu gọi “chấn hưng dân tộc Trung Hoa”, động viên nhân dân Trung Quốc và kiều bào hải ngoại chung sức xây dựng đất nước giàu mạnh, “nhớ lại lịch sử Trung Quốc bị nước ngoài xâm lược... là một động lực tinh thần để Trung Quốc phát triển”⁽¹²⁾.

Tinh thần yêu nước và lòng tự hào dân tộc là thiêng liêng, đáng trân trọng và cần phát huy trong sự nghiệp xây dựng đất nước. “Người Trung Quốc đã đứng lên”, đất nước Trung Hoa đã trỗi dậy sau hơn một thế kỷ bị đế quốc thực dân nô dịch, chính là nhờ tinh thần bất khuất của một dân tộc vĩ đại. Thế nhưng kinh nghiệm lịch sử cho thấy khi tinh thần dân tộc được kích thích không đúng hướng, hoặc quá mức độ, trong quan hệ đối với các dân tộc khác thì sẽ gây ra những hậu quả không lợi. Những năm tháng căng thẳng trong quan hệ ngoại giao Trung - Nhật vừa qua là một bài học. Đúng như Đặng Tiểu Bình đã nói, mỗi dân tộc phải nhớ lại lịch sử nước mình bị nước ngoài xâm lược, nhưng tôi nghĩ mỗi dân tộc cũng nên nhớ lại lịch sử nước mình đã đi xâm lược nước ngoài như thế nào. Chỉ có cùng chung nhận thức về quá khứ mới có thể cùng nhau tạo ra tương lai cho một “thế giới hài hoà”.

5. Giải quyết thoả đáng mối quan hệ giữa lợi ích quốc gia với tinh thần quốc tế của chủ nghĩa xã hội.

Vấn đề đó thời gian qua ít được đề cập công khai, nhưng là vấn đề quan trọng không thể né tránh đối với nền ngoại giao, cũng như toàn bộ hoạt động của các nước XHCN.

Quan hệ giữa lợi ích dân tộc với sự tương đồng về chế độ xã hội và hình thái ý thức với dân tộc khác là một vấn đề phức tạp, cần có sự cân nhắc toàn diện

và tầm nhìn lâu dài thì mới có thể giải quyết thoả đáng. Mục tiêu cuối cùng và cao nhất của hoạt động đối ngoại là lợi ích quốc gia. Nhưng sự tương đồng về chế độ xã hội và hình thái ý thức, có khi thống nhất với lợi ích quốc gia, cũng có khi mâu thuẫn với lợi ích quốc gia, có khi chỉ mâu thuẫn trước mắt và cục bộ, nhưng nhìn về lâu dài thì lại thống nhất. Lịch sử quan hệ giữa các nước XHCN những năm cuối thế kỷ trước đã cho chúng ta thấy không giải quyết thoả đáng mối quan hệ đó đã đưa lại hậu quả tai hại như thế nào.

Ngày nay, quan hệ hữu nghị giữa Trung Quốc với các nước và các lực lượng XHCN trên thế giới là đồng nhất (hoặc thống nhất) với lợi ích của Trung Quốc. Một Trung Quốc XHCN hùng mạnh sẽ là một cột trụ cho lực lượng XHCN trên thế giới. Ngược lại, sự tồn tại và phát triển của các nước và phong trào XHCN trên thế giới sẽ là một hậu thuẫn to lớn để Trung Quốc lớn mạnh.

Việt Nam vừa là nước láng giềng, vừa là nước có quan hệ văn hoá truyền thống, ngày nay thuộc các nước đang phát triển, lại vừa là nước có chế độ xã hội XHCN tương đồng với Trung Quốc. Vấn đề đặt ra trong quan hệ Trung - Việt hiện nay là phải tỉnh táo, “xuất phát từ đại cục” có tầm nhìn xa, giải quyết các vấn đề quan hệ lợi ích quốc gia do lịch sử để lại, đoàn kết thực sự, hợp tác hữu nghị, để cùng phát triển. Quan hệ hữu nghị Việt - Trung hiện nay hoàn

toàn phù hợp với lợi ích của nhân dân hai nước, phù hợp với lợi ích của phong trào XHCN trên thế giới, phù hợp với lợi ích của nhân dân các nước trong khu vực và trên thế giới.

CHÚ THÍCH:

(1) *Tuyển tập các Văn kiện của Trung ương ĐCS Trung Quốc*, Nxb Trường Đảng Trung ương ĐCS Trung Quốc 1994. tr.87.

(2) *Đặng Tiểu Bình văn tuyển*. Quyển III. Nxb Nhân dân 1993. tr.3.

(3) Hồ Diệu Bang: *Triển khai toàn diện cục diện mới của công cuộc hiện đại hoá XHCN*, (Báo cáo chính trị trình bày tại Đại hội XII ĐCS Trung Quốc), Nxb Nhân dân 1982 tr.27.

(4) *Đặng Tiểu Bình văn tuyển*, quyển III, Sđd tr.321.

(5), (6). *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XVI Đảng Cộng sản Trung Quốc*, Nxb Chính trị Quốc gia Hà Nội 2003. tr.80-84.

(7) *Báo cáo công tác của Chính phủ* do Thủ tướng Ôn Gia Bảo trình bày tại kỳ họp Quốc hội Trung Quốc, ngày 5-3-2008.

(8) *Tuyên bố chung Việt Nam - Trung Quốc. Bắc Kinh, ngày 25-10-2008* (4 tốt là “láng giềng tốt, bạn bè tốt, đối tác tốt, đồng chí tốt”).

(9) Đường Gia Tuyên (chủ biên): *20 năm cải cách mở cửa*, Nxb. Học tập.

(10) *Báo cáo chính trị* do Tổng Bí thư Hồ Cẩm Đào trình bày tại Đại hội XVII Đảng Cộng sản Trung Quốc, ngày 15-10-2007

(11) Đường Gia Triều (chủ biên): *20 năm cải cách mở cửa*, Sđd tr.134.

(12) *Đặng Tiểu Bình văn tuyển*, quyển III, Sđd tr.358.